TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 342/2020/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 10 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 228/2020/HNST ngày 26 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Lê Thị H, sinh năm 1969;

- Ông Trịnh Văn B, sinh năm 1959;

Cùng địa chỉ cư trú: Số 60/17 đường L, Khu phố Đ, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trịnh Văn B và bà Lê Thị H qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 1989 (Giấy chứng nhận kết hôn số 45, đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 23 tháng 12 năm 1989).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông bà bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Mặc dù ông bà đã tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả. Ông bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc nên cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly

hôn. Xét, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và không trái pháp luật nên Tòa án ghi nhận.

[2] Về con chung: Ông Trịnh Văn B và bà Lê Thị H có 02 (hai) con chung là Trịnh Xuân N, sinh ngày 07/09/1990 và Trịnh Hương G, sinh ngày 23/10/1999 (cả hai đều đã trưởng thành), nên Tòa án ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Trịnh Văn B và bà Lê Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về nợ chung: Ông Trịnh Văn B và bà Lê Thị H xác nhận không có nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về lệ phí: Ông Trịnh Văn B và bà Lê Thị H chịu lệ phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Văn B và bà Lê Thị H thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 45 đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 23/12/1989).

1.2. Về con chung: Bà Lê Thị H và ông Trịnh Văn B có 02 (hai) con chung là Trịnh Xuân N, sinh ngày 07/09/1990 và Trịnh Hương G, sinh ngày 23/10/1999 (cả hai đều đã trưởng thành).

1.3. Về tài sản chung: Ông Trịnh Văn B và bà Lê Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Ông Trịnh Văn B và bà Lê Thị H xác nhận không có, nên Tòa án ghi nhận

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Trịnh Văn B và bà Lê Thị H chịu lệ phí sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2018/0032484 ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (Thơm).

Nguyễn Thị Thu Sương